TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-PT
Ngày: 17-01-2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 667/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị M, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số F N, Khu phố I, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bùi Quang C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Huỳnh Thị T, sinh năm 1970 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà T: Luật Sư Thái Bình T – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Đại diện pháp luật: Ông Bùi Quang C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Đặng Vũ H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C N, Ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Quang C, Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

***** *Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2023 của bà Phan Thị M là nguyên đơn trình bày*:

Từ chỗ quen biết nên bà có cho ông C, bà T và Công ty trách nhiệm hữu hạn X vay số tiền 2.265.000.000 đồng vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, thời hạn vay là 03 tháng, không tính lãi.

Hai bên có làm biên nhận, ông C, bà T ký tên và doanh nghiệp T3 đóng mộc đỏ.

Quá trình vay, ông C, bà T và doanh nghiệp T3 không trả vốn và tránh mặt.

Nay yêu cầu ông C, bà T và doanh nghiệp T3 Chiêu trả cho bà tiền gốc là 2.265.000.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với ý kiến của ông C về việc sang tiền vay số tiền 1.800.000.000 đồng cho bà Đặng Vũ H, bà không biết và cũng không có thỏa thuận gì với ông C, bà H.

** Tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2023 của ông Bùi Quang C là bị đơn trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M với các căn cứ sau:

- Giấy mượn tiền ngày 29/6/2018, bà M cung cấp chỉ là bản phô tô nên không có giá trị;

- Bản chính giấy mượn tiền hiện nay bà H giữ;

- Bà H là người trực tiếp chứng kiến việc vợ chồng ông viết biên nhận Giấy mượn tiền này cho bà M;

- Không biết vì lý do gì mà bà H lại có quyền đưa ra hướng xử lý nợ là bà H nhận của bà M số tiền 1.500.000.000 đồng và sẽ trả cho bà M hàng tháng 100.000.000 đồng. Thực chất là bà H đã lấy số tiền 1.500.000.000 đồng mà người nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông đặt cọc; vợ chồng bà Huỳnh Thị L chuyển nhượng đất cho bà M thửa 72 với số tiền 1.000.000.000 đồng;

- Số nợ 2.265.000.000 đồng chưa được xử lý xong thì suốt thời gian từ năm 2018 đến gần cuối năm 2023 nếu vợ chồng ông không trả lãi, không trả vốn thế mà bà M không hề có động thái nào để đòi nợ;

- Hết thời hiệu khởi kiện.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 276/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 429, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Buộc ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn X có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền 2.265.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, bị đơn Bùi Quang C, Huỳnh Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ G nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả cho bà 2.265.000.000 đồng.

- Người kháng cáo ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T cung cấp thêm chứng cứ mới là giấy nhận nợ của vợ chồng Huỳnh Thị L và Nguyễn Hải C1; T1 zalo có số điện thoại +84344869979 của bà Phan Thị M và phát biểu quan điểm:

+ Tại phiên tòa bà M thừa nhận số điện thoại +84344869979 là của bà. Nội dung tin nhắn từ điện thoại này gửi cho ông C thể hiện có việc chuyển một phần nợ cho bà H như ông C trình bày.

+ Nguồn gốc nợ là của vợ chồng L, C1 vay của bà M. Ông C, bà T chỉ nhận nợ thay. Bà M cũng thừa nhận tại tòa có nhận chuyển nhượng từ bà L 01 lô đất ở thành phố G để trừ nợ nhưng cấp sơ thẩm không đưa người thừa kế của bà L vào tham gia tố tụng để làm rõ.

+ Cấp sơ thẩm không tiến hành tống đạt giấy triệu tập cho ông C, bà T theo quy định mà xét xử vắng mặt 02 người này là xâm hại đến quyền lợi của ông C, bà T.

+ Nội dung giấy nợ thể hiện vợ chồng T, C vay nợ và là người ký nhận nợ nhưng lại tuyên buộc cả công ty TNHH X trả nợ là không có căn cứ.

* Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị M là chưa có cơ sở vững chắc. Quá trình giải quyết có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra chưa đầy đủ gây thiệt hại đến quyền lợi bị đơn. Ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T kháng cáo có cung cấp chứng cứ mới để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 276/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị M yêu cầu ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn X trả cho bà 2.265.000.000 đồng nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phan Thị M với bị đơn ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn X là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T là đúng quy định tại các điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo đơn kiện nguyên đơn bà Phan Thị M yêu cầu ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T và doanh nghiệp T3 Chiêu trả số tiền 2.265.000.000 đồng. Theo nội dung trong giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 thể hiện người mượn tiền là vợ chồng ông C, bà T (BL 34), nhưng lại có đóng dấu treo của doanh nghiệp Trường C tại góc trên, bên trái giấy mượn tiền. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc cả doanh nghiệp Trường C trả tiền nhưng chưa làm rõ chủ thể mượn tiền thật sự là ai là chưa có cơ sở vững chắc, gây ảnh hưởng đến doanh nghiệp Trường T3.

- Theo dấu mộc đóng ở góc trên, bên trái giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 thể hiện doanh nghiệp T3 là công ty TNHH X là đơn vị doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên trong hồ sơ không có thu thập giấy đăng ký kinh doanh để xác định người đại diện theo pháp luật là ai, tình trạng hoạt động hiện tại ra sao, là điều tra chưa đầy đủ.

- Tại bản tự khai ngày 11/12/2023 (BL 23) ông C trình bày số nợ trên là do vợ chồng ông nhận nợ thay cho vợ chồng bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Hải C1 (bà L là em ruột bà T) lúc đó có bà Đặng Vũ H chứng kiến. Như vậy giữa các bên có diễn ra việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự nhưng chưa được làm rõ. Theo bị đơn trình bày: Để trả số nợ trên cho bà M, vợ chồng L, C1 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà M thửa đất số 72 diện tích 308,7m^2 tọa lạc Phường C, thành phố G trị giá 01 tỷ đồng. Ông C cấn trừ nợ qua bà Đặng Vũ H 1,5 tỷ đồng trong số tiền người khác đặc cọc cho vợ chồng ông để mua đất. Tổng cộng là 2,5 tỷ đồng nên đã trả xong nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T cung cấp thêm chứng cứ mới là giấy nhận nợ của vợ chồng Huỳnh Thị L và Nguyễn Hải C1; T1 zalo có số điện thoại +84344869979 của bà M cũng thể hiện nội dung này như phía luật sư đã trình bày nhưng cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông bà Huỳnh Thị L và Nguyễn Hải C1 vào tham gia tố tụng để xác minh làm rõ các vấn đề trên là chưa xem xét khách quan toàn diện vụ án.

- Về tố tụng: Bà Đặng Vũ H bị bắt tạm giữ từ ngày 22/11/2023 (sau đó chuyển tạm giam) về tội "Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên". Tại công văn số 1998/PC11A-Đ1 ngày 23/5/2024, Trại tạm giam Chí Hòa đề nghị TAND thành phố G liên hệ TAND thành phố Hồ Chí Minh cho phép tiếp xúc bà Đặng Vũ H để tống đạt các văn bản tố tụng (BL 49) nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện mà tống đạt qua bà Đặng Thị T2 là em bà H ở bên ngoài để tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt bà H là vi phạm nghiệm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án (không biết ý kiến bà H như thế nào).

* Từ các sai sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho TAND thành phố G xét xử lại theo quy định. Kháng cáo của ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T. Tuyên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 276/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố G giải quyết lại theo quy định.

3. Về án phí:

- Ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000931 và 0000932 cùng ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định lại khi xét xử sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố G;
- CCTHADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân